

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Be;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1950; cư trú tại: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị Kim H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Lê Thanh Q, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2021, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2017, bà K có cho bà H vay tiền nhiều lần tổng cộng là 73.000.000 đồng, bà H đã trả được một phần; đến ngày 07/10/2017 âm lịch nhằm ngày

24/11/2017 dương lịch hai bên có chốt nợ là bà H còn nợ bà K 60.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả. Bà H và bà K có nhờ anh Lê Thanh Q viết hộ giấy nhận nợ, bà H có ký tên chữ “h” anh Q có ký làm chứng và viết họ tên anh Lê Thanh Q vào giấy nợ. Bà K đã đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà H không trả.

Nay bà K khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Kim H trả cho bà số tiền 67.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H trả số tiền 7.000.000 đồng, chỉ còn yêu cầu bà H trả số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chồng bà H là ông Võ Văn H2 có nghĩa vụ trả nợ cùng bà H. Tài liệu chứng cứ do bà K cung cấp là giấy nợ đề ngày 07/10/2017 âm lịch (nhằm ngày 24/11/2017 dương lịch).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2022, bị đơn bà Trương Thị Kim H trình bày:

Bà H xác định bà không viết giấy mượn tiền đề ngày 07/10/2017 (âm lịch) nhằm ngày 24/11/2017 (dương lịch) và chữ ký “h” trong giấy mượn tiền không phải là của bà. Bà H thừa nhận có vay tiền của bà K nhiều lần nhưng thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể mượn số tiền bao nhiêu và thời gian mượn tiền, bà đã trả được một phần. Đến năm 2013, hai bên có chốt nợ gốc lãi đối với số tiền vay của bà K là khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu. Bà H xác định không có vay của bà K số tiền 60.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà K số tiền 30.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng (sau khi làm việc bà H không đồng ý ký tên vào biên bản lấy lời khai).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2022, người làm chứng anh Lê Thanh Q trình bày:

Anh và bà Nguyễn Thị K, bà Trương Thị Kim H, chỉ có mối quan hệ chòm xóm, quen biết nhau, không có mối quan hệ bà con họ hàng gì. Ngày 07/10/2017 âm lịch (nhằm ngày 24/11/2017) dương lịch anh có viết giấy nợ dùm cho bà H vay tiền của bà K. Toàn bộ nội dung giấy nợ, chữ viết, chữ ký ghi tên Lê Thanh Q là do anh viết, riêng chữ ký “h” ở cuối giấy nợ là do bà H viết. Tại thời điểm anh viết giấy nợ cho bà H, bà K, anh không nhìn thấy hai bên giao nhận tiền. Sau khi viết giấy nợ xong thì anh đi về nhà, bà K, bà H còn ngồi lại nói chuyện, hai bên nói chuyện gì thì anh không biết. Nội dung giấy nợ là do bà K, bà H thống nhất với nhau xong yêu cầu anh viết. Khi viết giấy nợ do bà H đọc sai họ tên của bà H nên anh ghi nhầm là Nguyễn Thị Kim H, tên họ đầy đủ của bà H là Trương Thị Kim H, tên thường gọi là Gái Cu, ba cái tên này là một người. Người có tên Dì 2 má L trong giấy nợ là bà Nguyễn Thị K do anh gọi theo thứ tự sinh của bà K và tên con gái lớn của bà K. Anh xác định chữ ký “h” trong giấy nợ là do bà H ký.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu bà H trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chồng bà H là ông Võ Văn H2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà H.

Bà Trương Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến nên không có lời trình bày tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Buộc bà H trả cho bà K số tiền 60.000.000 đồng, ghi nhận bà K không yêu cầu tính lãi. Bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn bà Trương Thị Kim H đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Kim H trả cho bà số tiền bà H vay của bà K là 67.000.000 đồng. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 26 thì quan hệ tranh chấp trong trường hợp này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Kim H trả số tiền vay 67.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án ngày 24/11/2021 bà K thay đổi

yêu cầu khởi kiện, có văn bản rút lại một phần khởi kiện, không yêu cầu bà H trả số tiền 7.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 60.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà K yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp giấy nợ đề ngày 07/10/2017 âm lịch nhằm ngày 24/11/2017 dương lịch với nội dung ghi “Tôi tên Nguyễn Thị Kim H có mượn Dì 2 má L số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng chẵn)” có chữ ký và chữ viết họ tên Lê Thanh Q, cuối giấy nợ ghi chữ “h”. Bà K và anh Q thống nhất khai người có tên Nguyễn Thị Kim H trong giấy nợ là tên của bà Trương Thị Kim H, do bà H đọc cho anh Q sai họ nên anh Q ghi vào giấy nợ nhầm họ của bà H. Tên Nguyễn Thị Kim H trong giấy nợ và bà Trương Thị Kim H là một người. Người có tên Dì 2 Má L trong giấy nợ là tên của bà K gọi theo thứ tự sinh và tên con gái lớn của bà K, tên Dì 2 Má L trong giấy nợ và bà Nguyễn Thị K là một người. Anh Q khai anh không nhìn thấy bà K và bà H giao nhận tiền. Bà K khai ngày 07/10/2017 âm lịch nhằm ngày 24/11/2017, bà K và bà H chốt nợ lại với nhau các khoản vay trước, bà H còn nợ lại bà K số tiền 60.000.000 đồng, tại thời điểm chốt nợ không giao nhận tiền phù hợp với lời khai, lời trình bày của anh Q. Như vậy có căn cứ xác định ngày 07/10/2017 âm lịch nhằm ngày 24/11/2017 bà K và bà H chốt lại số tiền vay 60.000.000 đồng.

Bà H thừa nhận có vay tiền của bà K nhiều lần. Như vậy có sự thống nhất trong lời khai của bà H và bà K về việc bà H có vay tiền của bà K nhiều lần, chỉ mâu thuẫn trong lời khai của hai bên về số tiền vay. Bà H trình bày chữ ký “h” trong giấy nợ đề ngày 07/10/2017 âm lịch nhằm ngày 24/11/2017 không phải của bà H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà H nhiều lần nhưng bà H không đến; yêu cầu bà H cung cấp tài liệu, chứng cứ là chữ ký, chữ viết của bà H để Tòa án tiến hành trưng cầu giám định nhưng bà H không cung cấp; đồng thời triệu tập bà H tham gia phiên đối chất giữa bà H, bà K và anh Q nhưng bà H không đến Tòa. Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà H về nội dung bà H không có vay của bà K số tiền 60.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà K số tiền 30.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà H trả số tiền vay 60.000.000 đồng. Ghi nhận bà K không yêu cầu bà H trả lãi và không yêu cầu chồng bà H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà H.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Trương Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3, Điều 26 khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Trương Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vay 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà K không yêu cầu bà H trả lãi, không yêu cầu chồng bà H là ông Võ Văn H2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị K thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên không thuộc trường hợp được trả lại án phí.

Bà Trương Thị Kim H phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Ngân